

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025
LỚP MẪU GIÁO GHÉP 4-5 TUỔI HUA THANH

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

TT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh
			Chung	Riêng		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất						
a. Phát triển vận động						
1	4	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh	* 4,5T: Hô hấp: Hít vào, thở ra. ` Tay: + Hai tay đưa lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (4+5T: kết hợp với vẫy bàn tay; 4T: nắm, mở bàn tay; 5T: quay cổ tay, kiễng chân). ` Lung, bụng, lườn: Quay sang trái, sang phải (5T: kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái) 4T: ` Cúi về phía trước ` Ngồi xổm, đứng lên. ` Bật tại chỗ	` Võ 2 tay vào nhau (Phía trước, phía sau trên đầu. ` Nhún chân. ` Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	1-9	
2	5	Trẻ thực hiện đúng, đủ, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	4T: ` Cúi về phía trước ` Ngồi xổm, đứng lên. ` Bật tại chỗ	` Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. ` Co và duỗi tay, kết hợp kiễng chân. ` Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái) ` Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. ` Chân đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. ` Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một		

				chân về sau. ` Nhảy dân vũ.		
3	4	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: ` Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. ` Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.	* 4,5 T: ` Đi khuyu gối.	` Đi bằng gót chân ` Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. ` Đi lùi ` Đi lùi dồn bước ` Đi trên ghế thể dục	1,4,5,6,7,9	
4	5	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: ` Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. ` Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. ` Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.		` Đi bằng mép ngoài bàn chân. ` Đi trên dây (Dây đặt trên sàn). ` Đi trên ván kê dốc. ` Đi nổi bàn chân tiến, lùi ` Đứng co 1 chân		
5	4	Trẻ biết kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc).	* 4,5 T: ` Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. ` Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.	` Đi thay đổi hướng theo vật chuẩn ` Chạy thay đổi hướng theo vật chuẩn ` Chạy theo đường đích dắc	2,3,5,8,9	
6	5	Trẻ biết kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).		` Đi thay đổi hướng theo hiệu lệnh ` Chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc ` Chạy thay đổi		

				hướng theo hiệu lệnh		
7	4	Trẻ phối hợp tay- mắt trong vận động: ` Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). ` Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). ` Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	* 4,5T ` Ném xa bằng 1 tay. ` Ném xa bằng 2 tay * 4,5 T: ` Tung bóng lên cao và bắt. ` Đập và bắt bóng tại chỗ.	` Tung bắt bóng với người đối diện	1,2,3,4,5,9	
8	5	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: ` Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). ` Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). ` Đi, đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp.		` Đi và đập bắt bóng. ` Ném, bắt bóng với người đối diện - Tung bắt bóng tại chỗ		
9	4	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: ` Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. ` Ném trúng đích ngang (xa 2 m). ` Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	* 4,5 T: ` Chạy theo hướng thẳng ; 4T: 15m; 5T: 18m trong khoảng 10 giây) ` Bật xa 35-40; 40-50cm) * 4,5T ` Bò bằng bàn tay và bàn chân (3-4m;4-5m)	` Trèo qua ghế dài 1,5 x 30 cm. ` Trườn theo hướng thẳng.	1-> 9	
10	5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: ` Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. ` Ném trúng đích đứng cao 1,5m xa 2m). ` Bò vòng qua 5-6 điểm	` Bật liên tục về phía trước ; liên tục vào vòng ` Ném trúng đích bằng 1 tay (Đích ngang). * 4,5 T: ` Ném trúng đích bằng 1 tay	` Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Bò vòng qua 5-6 điểm đích dắc ` Ném trúng đích bằng 2 tay (đích đứng).		

		<p>dịch dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu.</p>	<p>(đích đứng). ` Chạy chậm (60-80m; 100-120m) ` Bò dích dắc qua (5 điểm;7 điểm) ` Bò chui qua ống dài (1,2 x 0,6 m; 1,5m x 0,6m.) ` Trèo lên, xuống thang. (5 gióng; 7 gióng) ` Chuyển bắt bóng qua đầu , qua chân. ` Bật nhảy từ trên cao xuống (30-35 cm; 40-45.) ` Bật tách chân, khớp chân qua (5 ô; 7 ô) ` Bật qua vật cản (10 - 15 cm; 15 – 20 cm) ` Nhảy lò cò (3m;5 m)</p>			
11	4	<p>Trẻ biết thực hiện được các vận động: ` Cuộn - xoay tròn cổ tay. ` Gập, mở, các ngón tay.</p>		<p>` Vò, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi.... ` Gập giấy</p>	2,4	
12	5	<p>Trẻ biết thực hiện được các vận động: ` Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. ` Gập, mở lần lượt từng</p>	<p>` Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. ` Bẻ, nắn</p>			

		ngón tay.				
13	4	<p>Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Vẽ hình người, nhà, cây. ` Cắt thành thạo theo đường thẳng. ` Xây dựng lắp ráp với 10-12 khối. ` Biết tết sợi đôi. ` Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày. 	<p>* 4,5T:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Xé, tô ` Cài, cởi cúc ` Cắt đường (thẳng; vòng cung) ` Xâu, buộc dây 	<ul style="list-style-type: none"> ` Lắp ghép hình 	1,2,4,6,7,8	
14	5	<p>Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. ` Cắt được theo đường viền của hình vẽ. ` Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. ` Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu ` Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (Phéc mơ tuya) 		<ul style="list-style-type: none"> ` Lắp ráp. ` Tô, đồ theo nét ` Kéo khóa (Phéc mơ tuya), luôn 		
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe						
15	4	<p>Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. ` Rau, quả chín có nhiều vitamin. 	<ul style="list-style-type: none"> ` Nhận biết một số thực phẩm (quen thuộc; thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng) (một số món ăn quen thuộc của địa phương: Cơm nếp, cá rán, rau sắn, rau bí, rau dớn, măng....). 		2,4,6	
16	5	<p>Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... 	<ul style="list-style-type: none"> ` Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. (một số món ăn quen thuộc của địa phương: Cơm nếp, cá rán, rau sắn, rau bí, rau dớn, 			

		` Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	măng...).		
17	4	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	` Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. ` Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống. Luộc, xào, rán,...	3	
18	5				
19	4	Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	` Nhận biết các bữa ăn trong ngày tại trường, gia đình: Bữa sáng, bữa trưa, bữa tối, bữa phụ và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. ` Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	2,3	
20	5	Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.			
21	4	Trẻ biết thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: ` Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. ` Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	* 4-5 Tuổi: ` Làm quen cách/tập/tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt. ` Tập/rèn luyện tạo tác/tập luyện kỹ năng: rửa tay bằng xà phòng.	1,2,4	
22	5	Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản: ` Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. ` Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch ` Trẻ biết rửa tay bằng xà phòng, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn	* 4-5 tuổi: ` Đi vệ sinh đúng nơi quy định ` Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.		

23	4	<ul style="list-style-type: none"> ` Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đồ thức ăn. 	<ul style="list-style-type: none"> ` Tập/ luyện kỹ năng sử dụng đồ dùng ăn uống 	2,3,4	
24	5	<ul style="list-style-type: none"> ` Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo 			
25	4	<p>Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. ` Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... ` Không uống nước lã. 	<ul style="list-style-type: none"> ` Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe theo phong tục văn hóa của địa phương. 	1,2	
26	5	<p>Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. ` Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. ` Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. ` Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường 			
27	4	<p>Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. ` Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... ` Đi vệ sinh đúng nơi quy định. ` Bỏ rác đúng nơi quy định. 	<p>* 4, 5 tuổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. ` Nhận biết một số biểu hiện khi ốm (Cách phòng tránh đơn giản 4T, Nguyên nhân và cách phòng tránh 5T) ` Lựa chọn/ và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. (Cách mặc trang phụcMông...) ` Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. 	2,4,6	
28	5	<p>Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Vệ sinh răng miệng: 			

		<p>Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.</p> <p>` Ra nắng đội mũ: Đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh.</p> <p>` Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...</p> <p>` Che miệng khi ho, hắt hơi.</p> <p>` Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</p> <p>` Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhả bậy ra lớp.</p>			
29	4	Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm không đến gần. biết không nên nghịch các vật sắc nhọn.	<p>` Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.</p>	3	
30	5	Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.			
31	4	Trẻ nhận ra những nơi như: Hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	<p>` Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn đến tính mạng.</p> <p>` Kỹ năng phòng tránh đuối nước</p>	8	
32	5	Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.			

33	4	<p>Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... ` Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. ` Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. 			
34	5	<p>Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc... ` Biết không tự ý uống thuốc. ` Biết: ăn thức ăn có mùi hôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe. 	<ul style="list-style-type: none"> ` Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng. ` Kỹ năng phòng tránh hóc dị vật ` Kỹ năng phòng tránh bị bắt cóc, bị lạc 	1,6	
35	4	<p>Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. ` Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết. 	<ul style="list-style-type: none"> ` Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ - Kỹ năng kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm. - Kỹ năng ứng phó khi gặp mưa, gió bão. - Kỹ năng bảo vệ vùng nhạy cảm của bé trai, bé gái. 	1,2,7,8	

36	5	<p>Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.</p> <p>` Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu...</p> <p>` Biết tránh một số trường hợp không an toàn.:</p> <p>+ Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.</p> <p>+ Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo</p> <p>` Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.</p>			
37		<p>Trẻ thực hiện đúng một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:</p> <p>` Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.</p> <p>` Đi bộ trên hè: đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.</p> <p>` Không leo trèo cây, ban công, tường rào...</p>	<p>` Một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn</p>	7	
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức					
a) Khám phá khoa học					

38	4	<p>Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị úớt?....</p>	<p>* 4,5 T: ` Chức năng các giác quan và (một số các bộ phận khác của cơ thể. ` Đặc điểm nổi bật/ đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. ` Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. ` Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. Các nguồn nước ở địa phương (suối, khe...) ` Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. * 4,5T: ` So sánh sự giống nhau và khác nhau (của 2-3 đồ dùng, đồ chơi 4t; của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng 5T). ` Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo (1-2; 2-3 dấu hiệu). ` So sánh sự khác nhau và giống nhau (của</p>	<p>` Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. ` Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. ` Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh hiện tượng đặc trưng của địa phương và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. Gọi tên các biểu hiện biến đổi khí hậu thời tiết nóng, lạnh, các loại thiên tai hay xảy ra của địa phương, hậu quả của thiên tai, cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai... ` Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. ` Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. ` Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày</p>	5,8	
39		<p>Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết</p>	<p>khác nhau và giống nhau (của</p>	<p>` Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích</p>	2,5,6,7	

		hợp nhìn, sờ, ngửi, ném... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	2/một số) con vật, cây, hoa quả.	lợi và tác hại đối với con người.		
40		Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	` Một số hiện tượng thời tiết theo mùa (và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người 4T; thử tự các mùa 5T)	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người, một số hiện tượng thời tiết đặc trưng của địa phương theo mùa: Mưa đá, động đất, sấm sét,.... Biểu hiện, nguyên nhân cơ bản của biến đổi khí hậu, ảnh hưởng cơ bản của biến đổi khí hậu với con người và động thực vật, các loại thiên tai thường xảy ra ở địa phương. Dấu hiệu đặc trưng của từng loại thiên tai, nguyên nhân và một số hậu quả cơ bản của thiên tai thường xảy ra ở địa phương, cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai.	8	
41		Trẻ có thể thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	` Sự khác nhau giữa ngày và đêm (Mặt trời, mặt trăng 5T)			
42		Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	` Các nguồn nước trong môi trường sống. ` Một số đặc điểm, tính chất của nước. ` Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. ` Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.		7	
43		Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...		` Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. ` Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của	5,8	
44	5	Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát,			2,5,6,7	

		xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng khám phá sự vật hiện tượng xung quanh.		một số loại cây, con vật. - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. Ý nghĩa của biến đổi khí hậu, nguyên nhân diễn biến của biến đổi khí hậu, thích ứng và hạn chế biến đổi khí hậu. Đặc trưng dấu hiệu cơ bản của mỗi loại thiên tai.		
45		Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.		Nguyên nhân, hậu quả của thiên tai thường xảy ra ở địa phương, cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai.	8	
46		Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.		- Sự nóng lên của trái đất ` Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.	7	
47		Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát				
48	4	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	` Phân loại đồ dùng, đồ chơi (theo một dấu hiệu nổi bật ;1 - 2; 2 - 3 dấu hiệu)		1,3,5,6,	
49	5	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	` Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo (1 - 2; 2 - 3 dấu hiệu)		7	

50	4	Trẻ biết nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”.	<p>` Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.</p> <p>` Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.(mưa đá, động đất, lũ lụt,...).</p>	6,8	
51	5	Trẻ biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.			
52	4	Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.		7	
53	5	Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.		6	
54	4	Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...			
55	5	Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình... - Trẻ biết thực hiện công việc theo cách riêng của mình - Trẻ biết thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau.			

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

56		Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	<p>` Đếm trên đối tượng/đếm trong phạm vi (5; 10) và đếm theo khả</p>	<p>` Xếp tương ứng 1 - 1, ghép đôi</p>		
57		Trẻ biết đếm trên đôi				

	4	tượng trong phạm vi 10.	năng.			
58		Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.			1,3,4,5,9	
59		Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...		` Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan		
60	5	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.				
61		Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.				
62	4	Trẻ có thể sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	` Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi (5;10)			
63	5	Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.				
64	4	Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	` Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. ` Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.		2,3,4,5,9	
65		Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.				
66	5	Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	` Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.			
67		Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.				
68	4	Trẻ nhận biết ý nghĩa	` Nhận biết ý nghĩa các con số			

		các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.	được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (Số nhà, biển số xe,...)		3,7	
69	5	Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.				
70	4	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại	` So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	` Tạo ra quy tắc sắp xếp.		
71		Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.				
72	5	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.				
73		Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp				
74	4	Trẻ biết sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.		` Đo dung tích bằng một đơn vị đo ` Đo độ dài một vật bằng (một đơn vị đo ` Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau ` Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. ` Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	6,8	
75	5	Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.				
76	4	Trẻ có thể chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)				
77		Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	` Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	` So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật	7	

78	5	Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và trụ, khối vuông và khối chữ nhật.		<ul style="list-style-type: none"> ` Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối đó trong thực tế. ` Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau. 		
79	4	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.		<ul style="list-style-type: none"> ` Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái). 	2	
80	5	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật làm chuẩn.		<ul style="list-style-type: none"> ` Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái) (với một vật nào đó làm chuẩn 5T) 		
81	4	Trẻ mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.		<ul style="list-style-type: none"> ` Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối. 	8	
82		Trẻ biết gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.		<ul style="list-style-type: none"> ` Gọi tên các thứ trong tuần; các mùa trong năm 		
83	5	Trẻ có thể phân biệt hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày		<ul style="list-style-type: none"> ` Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. 		
84		Trẻ nói được ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ		<ul style="list-style-type: none"> ` Nhận biết ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ 		
C) Khám phá xã hội						
85	4	Trẻ nói đúng họ và tên, tuổi, giới tính, dân tộc của bản thân khi được hỏi, trò chuyện		<ul style="list-style-type: none"> ` Họ tên, tuổi/ ngày sinh, giới tính, dân tộc, đặc điểm bên ngoài, sở thích, quyền con người của bản thân 	2,3	
86	5	Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính, dân tộc của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.		<ul style="list-style-type: none"> ` Họ tên, tuổi/ ngày sinh, giới tính, dân tộc, đặc điểm bên ngoài, sở thích, quyền con người của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. 		

87		Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	*4,5 T: ` Một số nhu cầu của gia đình. (đồ dùng đặc trưng trong gia đình của người dân tộc Mông...), ` Địa chỉ gia đình (bản, làng) Quyền được bảo vệ của trẻ (quyền được sống, quyền được bảo vệ, quyền được phát triển....)	<ul style="list-style-type: none"> ` Tên của bố mẹ các thành viên trong gia đình. ` Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. 	3	
88	4	Trẻ nói được địa chỉ của gia đình (Số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi trò chuyện.				
89	5	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	*4,5T: ` Tên và công việc của cô giáo ` Các hoạt động của trẻ ở trường, điểm trường ` Các cô bác trong trường, điểm trường	<ul style="list-style-type: none"> ` Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ ` Sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn) 	1	
90		Trẻ nói địa chỉ gia đình mình (Số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)...khi được hỏi trò chuyện.				
91	4	Trẻ nói đúng tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	*4,5T: ` Tên và công việc của cô giáo ` Các hoạt động của trẻ ở trường, điểm trường ` Các cô bác trong trường, điểm trường	<ul style="list-style-type: none"> ` Tên lớp mẫu giáo ` Tên các bạn 	1	
92		Trẻ nói được tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.		<ul style="list-style-type: none"> ` Tên lớp mẫu giáo, địa chỉ của trường, điểm trường 		
93		Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.		<ul style="list-style-type: none"> ` Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn 		
94		5		Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc		<ul style="list-style-type: none"> ` Những đặc điểm nổi bật của

		điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.		trường, điểm trường lớp mầm non;		
95		Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.				
96		Trẻ nói đúng họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp, khi được hỏi, trò chuyện.		` Đặc điểm sở thích của các bạn		
97	4	Trẻ kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	` Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. (Làm ruộng, làm nương, đan lát, nghề truyền thống của địa phương (thêu thố cảm của dân tộc Mông, đan lu cở, gạo tẻ thái lan, gạo nếp nương ...).		4	
98	5	Trẻ biết nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. ví dụ: nói "nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới..."				
99	4	Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	` Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. (lễ hội của dân tộc Mông, lễ hội hoa ban, lễ hội đèn Hoàng Công Chất, ngày 07/5, bia tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ tại trung tâm xã Na U, động Con Cang...)		1,3,4,5, 6,9	
100		Trẻ có thể kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.				
101	5	Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. ví dụ nói: "Ngày quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên..."				
102		Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước			9	

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ						
103	4	Trẻ thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng"	` Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu bằng tiếng việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ. (Trẻ có thể sao chép tiếng việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ)		4	
104	5	Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ "Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái",...	` Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp bằng tiếng việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ .			
105	4	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Rau, quả, con vật, đồ gỗ...	` Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công cụ và các từ biểu cảm.		1,3,5,6, 7	
106	5	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (Đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...)	` Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.			
107	4	Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	* 4,5 T: ` Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng (câu phức 4,5T)	` Trả lời và đặt các câu hỏi: "Ai?"; "Cái gì?"; "Ở đâu?"; "Khi nào?" ("Để làm gì?"		7,8
108	5	Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại	` Trả lời và đặt các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "Tại sao?"; "Có gì giống nhau?"; "Có gì khác nhau?"; "Do đâu mà có?". ` Đặt các câu hỏi: "Tại sao?"; "Như thế nào?";			

			"Làm bằng gì?".		
109	4	Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	<p>` Phát âm các tiếng (của tiếng việt; có chứa các âm khó; có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu)</p> <p>` Phát âm các tiếng việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ: Tiếng Mông.</p>	6,8	
110		Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...			
111	Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.				
112	5	Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh. - Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. - Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động - Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi			
113	4	Trẻ có thể sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn (câu đơn mở rộng, câu ghép (4t))	1-9	
114	5	Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh... - Khởi sướng cuộc trò chuyện.	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu đơn ghép khác nhau bằng tiếng việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ (tiếng Mông)		
115	4	Trẻ có thể kể lại sự việc theo trình tự.	` Kể lại sự việc (có nhiều tình tiết 4T; theo trình tự 5T)	7,8,9	
116	5	Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái...của nhân vật.	Kể lại một vài tình tiết của sự việc đã được nghe tiếng việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ, Kể lại sự việc có nhiều tình tiết đã được nghe bằng tiếng việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ (4T).		

117	4	Trẻ đọc thuộc bài thơ, cao dao, đồng dao...	<p>` Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi (Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc của địa phương qua góc thư viện)</p> <p>` Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. (Nghe những câu truyện tiếng việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ của dân tộc, địa phương trẻ qua góc thư viện bằng tiếng Mông.)</p> <p>` Đọc thơ, cao dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè trong góc thư viện.</p>	1-9	
118	5	Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.			
119		Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, cao dao, đồng dao..			
120	4	Trẻ có thể kể lại truyện có mở đầu và kết thúc.	<p>` Kể lại truyện đã được nghe. (trong góc thư viện)</p>	1->9	
121	5	Trẻ biết kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự nhất định	<p>` Kể lại truyện đã được nghe (Theo trình tự 5T)</p>		
122		Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung truyện.	<p>` Kể chuyện sáng tạo (trong góc thư viện)</p>	9	
123	4	Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	<p>` Đóng kịch</p>	8,9	
124	5	Trẻ có thể đóng được vai của nhân vật trong truyện.			
125	4	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	<p>` Nói thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.</p>	7,8,9	
126	5	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với			

		ngữ cảnh.			
127	4	Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	` Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép	3	
128	5	Trẻ biết sử dụng các từ: "cảm ơn"; "Xin lỗi"; "Xin phép"; "Thưa"; "Dạ"; "Vâng"...phù hợp với tình huống. Không nói tục, chửi bậy	` Sử dụng các từ biểu cảm hình tượng		
129	4	Trẻ biết chọn sách để xem.	* 4,5T: ` Xem và đọc các loại sách khác nhau.	5,6,7	
130		Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giữ từng trang để xem tranh ảnh. "Đọc" sách theo tranh minh họa ("Đọc vẹt")	` Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt: + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.		
		Trẻ biết chọn được sách để "đọc" và xem.	+ Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu		
131	5	Trẻ biết cách "đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	` Giữ gìn (Bảo vệ 4-5T) sách. ` Phân biệt phần mở đầu kết thúc của sách. ` "Đọc" truyện qua các tranh vẽ.		
132	4	Trẻ có thể mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	` Mô tả sự vật, tranh ảnh/ hiện tượng		
133	5	Trẻ biết kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	` Kể truyện theo đồ vật, theo tranh.	6,7,9	
134	4	Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	* 4,5T: Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra vào, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)	1,7	
135	5	Trẻ nhận ra được ký hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm, lối ra-vào, biển báo giao thông...			
136	4	Trẻ biết sử dụng ký hiệu để "Viết"; tên làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	` Tập tô, tập đồ các nét chữ. ` Nhận dạng một số chữ cái.		

137	5	Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	` Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. ` Nhận dạng các chữ cái.	1->9	
138		Trẻ nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt.			
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội					
139	4	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, dân tộc của bản thân, tên bố, tên mẹ.	` Tên, tuổi, giới tính, dân tộc, quyền con người Thực hiện thông qua nội dung khám phá xã hội (lĩnh vực PT nhận thức)	2,3,4	
140	5	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, dân tộc của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại. - Nói được khả năng và sở thích, quyền con người của bạn bè và người thân.			
141	4	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	` Sở thích, khả năng, quyền con người của bản thân.	2,3,4	
142	5	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được và việc bé không làm được. - Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.			
143		Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (Dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	` Điểm giống khác nhau của mình với người khác.	2	
144		Trẻ biết mình là con/cháu/ anh/chị/ em trong gia đình.	` Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.	3	
145		Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những			

		việc vừa sức. - Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn.	giáo dục khác		
146		Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	` Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục khác	1,5,6	
147	4	Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi...)			
148	5	Trẻ tự làm một số việc đơn giản hàng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)			
149		Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao	` Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. ` Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi...) ` Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến		
150	4	Trẻ nhận biết cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh, ảnh.	` Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận 3t); (ngạc nhiên 4t); (xấu hổ 5t) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói (tranh ảnh 4t); âm nhạc 5t.	2	
151	5	Trẻ nhận biết một số trạng thái cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ... qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.			
152	4	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	` Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình. ` Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao	2	
153	5	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.			

				tiếp khác nhau.		
154		Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè		` Mỗi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.		
155		Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.		` Kính yêu Bác Hồ	9	
156	4	Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.				
157	5	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc..).				
158		Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.				
159	4	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	* 4,5T: ` Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước ` (Bia tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ, cánh đồng lúa, đồi núi, hang động, ...) Quan tâm đến lễ hội của địa phương Điện Biên như: Lễ hội Đền Hoàng Công Chất, Lễ hội hoa ban, tết dân tộc Mông.....	5,9		
160	5	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (Trang phục, món ăn..) của quê hương, đất nước.				
161	4	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	Một số quy định ở lớp và gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ/trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường, đi đường ven đồi, ven núi, ven suối). ` Nhận biết/ Phân biệt/Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "Sai"; "Tốt" - "Xấu". ` Chờ đến lượt (hợp tác 4T).	1,3,7		
162	5	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia				

		đình và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.			
163	4	Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	` Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép (lịch sự 5T)	2,3,4	
164	5				
165	4	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói	` Lắng nghe khi cô, bạn nói	1,2	
166	5	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	` Lắng nghe ý kiến của người khác		
167	4	Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn cùng thực hiện hoạt động chung (Chơi, trực nhật..)	` Quan tâm giúp đỡ bạn (Chia sẻ 5T) (chia sẻ với các bạn nghèo, cảm thông, chia sẻ với mọi người trong hoàn cảnh khó khăn)	5,6,7	
168	5	Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.			
169	4	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	` Chờ đến lượt, hợp tác	6,8	
170		Trẻ biết chờ đến lượt.			
171	5	Trẻ biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn (Dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	` Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.		
172	4	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.	` Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối, bảo vệ rừng. ` Kỹ năng làm đất trồng rau. ` Kỹ năng tự xử lý khi bị động vật trong nhà tấn công	5,6	
173	5				
174	4	Trẻ không bẻ cành, bứt hoa.		5	
175	5	Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn vệ sinh môi trường (không vứt rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa..).	` Giữ gìn vệ sinh môi trường bản làng, trường lớp. ` Kỹ năng phân loại rác		
176	4	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.		4,5	
177	5				

178	4	Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng	` Tiết kiệm điện, nước.	3,8	
179	5	Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.			
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ					
180	4	Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng	` Bộc bộc lộ cảm xúc phù hợp(4t)/ thể hiện thái độ, tình cảm (5t) khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	8,9	
181	5	Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. - Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc			
182	4	Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.			

183	5	Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.			
184	4	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc. thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	<p>` Nghe và nhận ra (4t)/ nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca/ 5T: nhạc cổ điển)</p> <p>` Nghe và nhận ra sắc thái (Vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. - Nghe nhạc dân ca của các dân tộc (dân ca Thái, dân ca Xá ,....)</p>	1-9	
185	5	Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.			
186	4	Trẻ hát đúng giai điệu , lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	<p>* 4-5T: Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát (Hát các bài hát bằng tiếng mẹ đẻ)</p> <p>` Thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát</p>	1-9	
187	5	Trẻ biết hát đúng giai điệu , lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...			
188	4	Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	<p>` Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc.</p> <p>` Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách; tiết tấu</p>	1-9	
189	5	Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc			

		thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).			
190	4	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	` Phối hợp/ lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, (5T: phế liệu) để tạo ra các sản phẩm.	1,4,7,8,9	
191	5	Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.			
192	4	Trẻ biết vẽ phối hợp được các nét xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	Sử dụng các kỹ năng vẽ tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét	2,5,6	
193	5	Trẻ phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục		
194	4	Trẻ có thể xé, cắt theo đường thẳng, đường cong và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	Sử dụng các kỹ năng cắt xé dán tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét	2,3,7	
195	5	Trẻ phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục		
196	4	Trẻ biết làm lốm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết	Sử dụng các kỹ năng nặn tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét	1,3	
197	5	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục		
198	4	Trẻ phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	Sử dụng các kỹ năng xếp hình tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét	4,5,6	

199	5	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục			
200	4	Trẻ biết nhận xét được các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	Nhận xét sản phẩm tạo hình; nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét, (bố cục 5T)	8,9		
201	5	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.				
202	4	Trẻ biết lựa chọn và thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	<ul style="list-style-type: none"> ` Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. ` Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát. 			
203		Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.				
204	5	Trẻ có khả năng tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	<ul style="list-style-type: none"> ` Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. ` Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (Một câu hoặc một đoạn). 	1-9		
205		Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.				
206	4	Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	<ul style="list-style-type: none"> ` Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. 	Tự chọn nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	1,4,7,8,9	
207	5		<ul style="list-style-type: none"> Tìm kiếm, lựa chọn các nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. 			

208	4	Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	` Đặt tên cho sản phẩm của mình.	8,9	
209	5				

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian (Tháng, từ ngày... đến ngày ...)	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ /hội	Điều chỉnh bổ sung
Tháng 9 (Từ 9/9-4/10/2024)	1	Trường MN - Tết trung thu	Bé vui đến trường	1	Ngày hội đến trường của bé 05/9 Tết trung thu của bé 15/8 (âm lịch)	
			Bé vui tết trung thu	1		
			Lớp học của bé			
			Đồ dùng, đồ chơi của lớp	1		
Tháng 10 (Từ 07/10-1/11/2024)	2	Bé biết gì về bản thân	Bé giới thiệu về bản thân	1		
			Cảm xúc bé yêu	1		
			Cơ thể kỳ diệu của bé	1		
			Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1		
Tháng 11 (Từ 4/11 - 29/11/2024)	3	Gia đình	Những người thân yêu của bé	1	Ngày hội của cô giáo 20/11	
			Ngôi nhà thân yêu của bé	1		
			Ngày hội của cô giáo 20/11	1		
			Đồ dùng trong gia đình bé	1		
Tháng 12 (Từ 2/12 - 27/12/2024)	4	Các nghề phổ biến – ngày 22/12	Nghề truyền thống ở địa phương	1	Ngày TLQĐ nhân dân Việt Nam 22/12	
			Nghề xây dựng	1		
			Nghề sản xuất	1		
			Ngày thành lập QĐND Việt Nam (Ngày 22/12)	1		
Tháng 01 + 02 (Từ 30/12 - 7/02/2025)	5	Thế giới thực vật – Tết và mùa xuân	Bé yêu cây xanh	1	Bé vui đón tết nguyên đán (1/1 âm lịch)	
			Sắc màu hoa ,quả	1		
			Tết và mùa xuân	1		
			Bé yêu các loại	1		

			rau			
Tháng 02 + 3 (Từ 10/02-7/03/2025)	6	Thế giới động vật - Ngày hội 8/3	Những con vật nuôi trong gia đình	1	Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3	
			Động vật sống trong rừng	1		
			Động vật sống dưới nước	1		
			Ngày 8/3	1		
Tháng 3 + 4 (Từ 10/3-4/04/2025)	7	Phương tiện và quy định GT	Quy định giao thông	1		
			Phương tiện giao thông đường bộ	1		
			Phương tiện giao thông đường thủy	1		
			Phương tiện giao thông đường hàng không	1		
Tháng 4 (Từ 7/04 - 25/04/2025)	8	Các hiện tượng tự nhiên quanh bé	Nước cần cho bé	1		
			Các hiện tượng tự nhiên	1		
			Mùa hè kỳ diệu	1		
Tháng 04+ 05 (Từ 28/4-23/5/2025)	9	Quê hương - Đất nước - Bác Hồ - Tết thiếu nhi - Trường tiểu học	Bé yêu Quê hương	1	Sinh nhật Bác 19/05 Tổng kết năm học	
			Bé chuẩn bị vào lớp 1	1		
			Bác Hồ kính yêu	1		
			Bé vui đón tết thiếu nhi	1		

P. HIỆU TRƯỞNG
(Duyệt)

TỔ TRƯỞNG
(Duyệt)

NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Đinh Thị Hồng

Nguyễn Thị Huyền

Nguyễn Thị Huyền

